

## TRỒNG TRỌT TRUYỀN THỐNG CỦA NGƯỜI DAO Ở XÃ BÀNH TRẠCH, HUYỆN BA BỂ, TỈNH BẮC KẠN<sup>1</sup>

ThS. Lý Cẩm Tú  
Viện Dân tộc học

**Tóm tắt:** Bài viết đề cập đến các hình thức trồng trọt truyền thống của người Dao ở xã Bành Trạch, huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn - một địa bàn vùng sâu, vùng xa đặc biệt khó khăn. Trong đó, nương rẫy, ruộng bậc thang và vườn là các loại hình canh tác đã được duy trì từ lâu đời. Cùng với chăn nuôi, thủ công nghiệp và trao đổi hàng hóa, trồng trọt tạo nên một hệ sinh kế truyền thống tương đối hài hòa, bền vững về mặt sinh thái.

**Từ khóa:** Trồng trọt, truyền thống, người Dao, Bành Trạch.

**Abstract:** This article mentions the traditional farming activities of the Dzao people in Banh Trach commune, Ba Be district, Bac Kan province. This location is a remote and extremely difficult region. Swidden agriculture, terrace rice farming, and gardening are traditional cultivation methods of the Dzao, which have been continuingly practiced through many generations. Farming together with handy-craft and trades are a traditional system of livelihood that is ecologically sustainable and compatible with the land.

**Keywords:** Farming, tradition, Dzao people, Banh Trach.

Ngày nhận bài: 29/6/2020; ngày gửi phản biện: 10/7/2020; ngày duyệt đăng: 27/7/2020

### Mở đầu

Việt Nam nằm trong nhóm các quốc gia nông nghiệp, có điều kiện tự nhiên thuận lợi với khí hậu nhiệt đới gió mùa thích hợp phát triển cây trồng, đất đai phì nhiêu, hệ thống sông ngòi dồi dào để cung cấp nước tưới. Sản phẩm trồng trọt không chỉ đáp ứng nhu cầu thực phẩm, đảm bảo an ninh lương thực, mà còn có tốc độ tăng trưởng mạnh về kim ngạch xuất khẩu. Vai trò của nông nghiệp đối với nền kinh tế Việt Nam là cực kỳ quan trọng, song trồng trọt vẫn còn nhiều hạn chế về tiềm năng phát triển, đặc biệt ở vùng sâu, vùng xa. Sinh sống ở vùng cao, đất đai rộng lớn, đa dạng sinh học dồi dào, trồng trọt được quan tâm phát triển thành mặt hàng kinh tế mũi nhọn, song chưa thực sự đem lại hiệu quả kinh tế cao. Để đưa ra những chính sách phù hợp cần nghiên cứu kỹ về thực tiễn, nhu cầu cũng như các nguồn lực của cộng đồng tại chỗ. Từ mục đích đó, bài viết đề cập đến các hình thức trồng trọt truyền

<sup>1</sup> Bài viết là kết quả của đề tài cấp Cơ sở: “Trồng trọt của người Dao ở xã Bành Trạch, huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn” do Viện Dân tộc học quản lý, ThS. Lý Cẩm Tú làm Chủ nhiệm.

thống của người Dao ở một xã vùng cao phía Bắc, bao gồm các kỹ thuật canh tác nương, ruộng bậc thang, vườn.

Trước đây, người Dao Tiền và Dao Đỏ ở xã Bành Trạch chủ yếu làm nương, nên đất nương của họ trải dài từ sườn đồi đến thung lũng, nối vào ven sông suối; do cuộc sống du canh du cư khiến vị trí nương liên tục thay đổi quanh nơi cư trú. Sau năm 1960, cùng với phong trào thành lập hợp tác xã nông nghiệp và sống định cư, một số diện tích nương gần nhà được đồng bào Dao chuyển thành ruộng bậc thang cấy lúa một vụ, phần còn lại để trồng ngô, sắn, đậu, ít lúa cạn và một số cây trồng khác. Vườn được tách ra khỏi rừng để bổ sung nhiều loại cây trên nương và trong rừng như rau, màu... nhằm tăng thêm tính đa dạng cho hệ sinh thái nông nghiệp. Song, bài viết này chủ yếu khảo cứu sâu tại hai bản lâu đời của người Dao là Pàn Han và Nà Còi vào tháng 6 năm 2020 để tìm hiểu các hoạt động trồng trọt mang tính truyền thống.

### **1. Hoạt động trồng trọt trên nương**

Nương là hình thức canh tác lâu đời của người Dao, cung cấp chủ yếu nguồn lương thực, thực phẩm. Người Dao sống ở vùng rẻo giữa, đất đai rộng, giàu tài nguyên, nên họ lựa chọn nương du canh. Việc làm đất theo hình thức phát, đốt, chất dinh dưỡng từ tro giúp cây lúa phát triển tốt mà không cần phân bón. Do đó, những mảnh đất tốt để phát nương phải là nơi rừng già, càng lâu năm và nhiều cây to tức là đất càng nhiều mùn, đốt xong cũng được nhiều tro, có thể canh tác với thời gian dài hơn. Nương nằm ở sườn núi phía Đông, hướng mặt trời mọc tốt hơn phía Tây vì vừa nhận được nhiều ánh sáng, vừa không bị nắng gắt dẫn đến thiếu nước vào buổi chiều. Độ dốc cũng được quan tâm, lý tưởng nhất là những nơi thoải, dưới 45<sup>0</sup> tính từ chân đồi trở lên. Theo người dân, nương quá dốc sẽ khiến nước mưa trôi nhanh, giữ nước kém, cuốn theo lớp đất mặt phì nhiêu. Chọn được vị trí ưng ý, người ta thử đất bằng cách đi ra giữa mảnh rừng cắm lưỡi dao xuống đất rồi rút lên, nếu đất dính nhiều vào dao là ẩm, không dính là khô; dễ rút dao là đất xốp, khó là đất chặt, cứng. Màu đất cũng cho thấy đặc điểm tốt hay xấu: đất tốt có màu nâu sẫm, nâu đen; nâu nhạt là đất non, ít dinh dưỡng. Loại đất thích hợp cho cây lúa nương là đất thịt nhiều mùn, màu sẫm và ẩm vừa phải, ném không có vị chua, khi dùng dao xới lên kết lại với nhau thành hạt. Đất quá tơi xốp cũng chưa hẳn đã tốt, sẽ khiến cỏ dại phát triển mạnh, còn quá cứng sẽ làm cây lúa chậm lớn. Đối với ngô, có thể chọn nương ở vị trí cao, dốc và chất đất khô hơn vì nhu cầu nước của loại cây này khá ít. Đặc biệt, khi thấy nương đang phát dở hoặc có đánh dấu bằng cây que hình chữ thập cắm chỉ về phía đó tức đã có người chọn trước, không được tùy tiện xâm phạm.

Việc phát nương thường diễn ra vào tháng 12, khi thời tiết khô hanh để đốt cây cỏ dễ dàng hơn. Công đoạn phát đốt cũng rất tỉ mỉ, gồm nhiều quy định nghiêm ngặt, thể hiện sự tôn trọng của người Dao với các thế lực siêu nhiên mà tiêu biểu là lễ cúng ma rừng. Theo họ,

rừng rậm đặc biệt những cây to là nơi trú ngụ của ma rừng, do đó trước khi phát nương phải cúng cơm, nước uống cho chúng. Đồ cúng được bày ngay dưới gốc cây hoặc bìa rừng hướng về phía mặt trời lặn, sau đó người cúng khấn mời thổ công, ma rừng... về hưởng và xin phép được phát, đốt. Sau đó là dùng dao phạt bụi cỏ và chặt những cây nhỏ, lấy búa đốn hạ cây to rồi chẻ các cành rải ra mặt nương để phơi cho khô. Từ 1 đến 2 tháng sau khi cây cỏ đã khô, người dân lựa lúc gió to đứng phía đầu gió châm lửa đốt nương rồi đợi đến lúc cháy hết mới ra về. Vài ngày đến một tuần sau tiến hành dọn dẹp, thu gom những phần cỏ cây còn sót lại và những cành cây chưa cháy hết chất thành đống đốt tiếp.

Người Dao nơi đây cư trú khá ổn định tại một địa bàn. Để đảm bảo diện tích trồng trọt, họ tận dụng những mảnh nương đã qua khai phá, bỏ hoang 5 - 7 năm cho cây rừng tái sinh, gọi là tập quán làm nương du canh quay vòng. Đối với loại nương đó, có thể bỏ qua công đoạn chọn đất và cúng ma rừng, tiến hành phát đốt luôn. Trong thời gian bỏ hoang, họ tiếp tục phát đốt những mảnh nương khác, sau đó quay trở lại mảnh ban đầu. Nương du canh quay vòng được đánh giá là tương đối ổn định về mặt sinh thái (Nguyễn Trường Giang, 2014). Với chu kỳ 2 năm trồng lúa, 2 năm trồng ngô thì chỉ cần 3 mảnh nương rộng, mỗi mảnh sẽ bỏ hoang đều nhau trong 8 năm. Quãng thời gian này đủ dài để cỏ, cây bụi, dây leo và thân gỗ cỡ trung bình phát triển, phục hồi khá đầy đủ chất lượng đất và đa dạng sinh học ở tán rừng thấp, rừng thưa. Lượng mùn sau khi phát đốt tuy không đủ nhiều như nương phát mới, song vẫn tối thiểu đạt 2 năm với lúa cạn một vụ. Nếu trồng lúa 2 năm và trồng ngô hai năm cuối, có thể đảm bảo 01 vụ lúa và 01 vụ ngô mỗi năm, chưa kể đến các hình thức canh tác khác. Do đó, với mức dân số duy trì ổn định, diện tích bản đủ rộng, việc du canh quay vòng này hoàn toàn có thể đảm bảo an ninh lương thực.

Hạt giống được chọn kỹ, chỉ lấy loại hạt to, chắc và đều, sau đó đem phơi khô lại một lần nữa trước khi gieo. Đáng lưu ý là nương của người Dao thường trồng nhiều loại cây, tức đa canh. Ngoài lúa, người ta kết hợp xen canh cùng với cây họ đậu, dưa, bí và rau..., vừa tận dụng diện tích thu sản phẩm phụ, vừa kết hợp bảo vệ, duy trì độ màu của đất. Hai cách bố trí phổ biến là hỗn hợp và chia khoảnh. Với hình thức chia khoảnh, người ta xác định sẵn khu vực nào để trồng loại cây gì rồi đánh dấu lại bằng que gỗ, thường những chỗ đất đốt có nhiều mùn hoặc thân cây gỗ to chưa cháy hết sẽ được dùng để trồng rau và cây ăn quả dây leo, khoai. Họ gieo vãi trực tiếp hạt thóc ra nương rồi lấy cước bướm cào qua mặt nương để lấp hạt, nhưng nếu nương mới phát thì gieo kiểu chọc lỗ để tra hạt thóc vào, với mật độ không quá 10 hạt/1 hốc và 10 - 15 hốc/1m<sup>2</sup>, đất nương càng xấu thì gieo càng dày để trừ hao số hạt không thể nảy mầm. Cách gieo này thường tốn công sức hơn, cần từng đôi - một người đi trước chọc lỗ, một người đi sau tra hạt, lúa được gieo trước, sau đó đến hoa màu. Sau khi tra, họ lấy cây gỗ có nhiều cành cào qua cào lại bề mặt nương để lấp lỗ lại tránh chim chóc ăn mất, không cần dùng cước bướm cào qua vì hạt giống đã được đưa xuống lỗ.

Với hình thức hỗn hợp, hạt giống các loại đem trộn lẫn, rải đều khắp nương rồi lấy cuốc bướm cào xới bề mặt cho đất lấp lên trên, nên các loại cây trồng sẽ mọc xen nhau. Họ thường vãi hạt từ chân dốc lên đỉnh dốc do quan niệm dân gian: cây mọc ở đỉnh sẽ nhận được mưa nắng trước, phát triển tốt hơn, nếu vãi hạt trước sẽ che mát cây ở dưới làm phần còn lại phát triển kém. Khi cào xới đất lấp hạt giống, phải chú ý làm bật gốc rễ các loại cỏ dại. Cách trồng chia khoảnh được áp dụng trong năm đầu do tro phân bố còn tương đối không đồng đều, khu nhiều mùn hơn giúp hoa màu phát triển nhanh. Từ năm thứ hai trở đi, tùy vào chất lượng đất mà chuyển sang hình thức trồng lẫn lộn để tiết kiệm công sức. Cây ăn quả như chuối, đu đủ, thị... được trồng ngoài cùng do có thân cứng tạo thành hàng rào bao quanh để tránh thú rừng, vật nuôi vào phá lúa, cây ngăn ngày ở bên trong.

Tận dụng thời tiết nồm ẩm và ẩm áp, lúa nương gồm lúa nếp và tẻ được gieo từ cuối tháng 3 âm lịch hàng năm, nên nương cũng thường được phát vào khoảng tháng 12 đến tháng Giêng. Đối với lúa, sau 4 - 5 tháng tùy vào giống lúa có thể thu hoạch, còn ngô chỉ cần 3 - 4 tháng. So với lúa nước, giống lúa cạn cần ít công chăm sóc và ít nước hơn, thích nghi tốt với khí hậu và ít bị sâu bệnh. Việc chăm sóc ở đây chủ yếu làm cỏ với mỗi vụ lúa gồm 2 hoặc 3 lần: khi mọc mạ, cây cao khoảng 40cm và lên đòng. Lần thứ nhất khi cây mạ non lên cao khoảng 15 - 20cm (dưới 1 gang tay), người Dao quan niệm lúa còn yếu, phải nhổ những cây cỏ đã mọc cao để tránh chúng ăn tranh dinh dưỡng với lúa. Lần thứ hai tùy vào chất đất và tình hình cỏ, thường là khi lúa lên cao 30 - 40cm; đây là lần quan trọng nhất quyết định đến chất lượng, năng suất của mùa vụ nên phải kết thúc trước Rằm tháng 7 âm lịch, nhà nào làm xong muộn sẽ bị dân làng và các thần chê cười. Lần thứ ba, đòng bào cho rằng cây lúa đã cứng cáp, có thể chống chịu được nên chỉ cần nhổ cỏ qua loa, nhất là các loại cỏ mọc cao như lác cói, lồng vực, củ ấu... để tránh cản trở lúa ra bông. Tương tự, nương ngô cũng được người Dao làm cỏ 3 lần: khi cây ngô non mọc cao khoảng một gang tay, sau 1 - 1,5 tháng và khi ngô bắt đầu ra bắp non. Việc trồng đa canh nhiều cây trên nương cho thấy hiệu quả sinh thái rõ rệt, tăng độ giữ màu của đất, ức chế cỏ dại phát triển. Các loại hoa màu ngăn ngày như rau cải, bí, rau bao... cho sản phẩm có thể thu hái khi làm cỏ lần đầu và lần hai, rồi tiếp tục đem rắc hạt để thu hoạch vào lúc làm cỏ lần ba. Các loại hạt, quả như lạc, vừng, mướp... cho thu hoạch vào lần làm cỏ thứ hai và được gieo gói để thu hoạch đúng lúc gặt lúa. Từ khi bắt đầu ra đòng, quả non... cây trồng được chăm sóc kỹ hơn để tránh chim, thú rừng phá hoại. Người dân dựng lán tạm bằng gỗ gần nương, hàng ngày trông coi và dựng những con bù nhìn (*lang o*) bằng rơm, cắm cọc tre cho mặc quần áo để xua đuổi chim muông.

Công đoạn thu hoạch thường tiến hành vào tháng 9 - 11 âm lịch, phải xem ngày tốt để làm lễ mở đầu (*psái biào*). Họ chọn chỗ lúa tốt, hạt to và chắc nhất buộc 6 - 7 bông vào nhau tạo thành khóm lớn gọi là lúa mẹ (*biào muôi có*), sau đó hái 4 bông ở bốn góc nương gọi là 4 hồn lúa con (*biào hồn*) móc vào lúa mẹ, rồi có thể rút ra, đem về. Người Dao quan niệm làm như vậy, hồn lúa mẹ sẽ sinh con đẻ cái trên mảnh đất này, tiếp tục cho họ những mùa bội thu

năm sau. Sau lễ *psái biào*, gia đình có thể tiến hành thu hoạch. Lúa được ngắt từng bông bằng nhíp, túm lại thành từng cum thóc để mang về treo trên gác bếp cho khô. Bắt buộc phải gặt hái từ xung quanh lúa mẹ trở ra đến hết nương, để lại lúa mẹ gặt sau cùng và cất riêng dành làm lễ cúng hồn lúa (*sít biào hòn*), nếu cắt lúa mẹ trước sẽ bị thần linh trừng phạt như làm cho trời mưa không thể phơi thóc, vụ sau mất mùa. Theo các thầy cúng ở đây, lễ gọi hồn lúa mang tính tri ân với loại cây đã cho họ thóc gạo, ngụ ý về việc bảo tồn và duy trì đa dạng giống trong trồng trọt (Lý Hành Sơn, 1995), nhưng nay đã mai một do không còn canh tác lúa nương.

### 3. Hình thức canh tác ruộng bậc thang

Ruộng bậc thang là hình thức trồng trọt được người Dao xã Bành Trạch áp dụng từ lâu. Theo Trần Hữu Sơn, Bàn Khánh Thanh (2011), ruộng bậc thang là cách canh tác phù hợp với đặc điểm môi trường dốc, khí hậu nhiệt đới núi cao và hệ thống thủy văn dày đặc, việc này cũng thấy tương tự với xã Bành Trạch. So với nương, ruộng nước có ưu điểm là canh tác được lâu năm, song cũng cần công chăm sóc nhiều hơn, nhất là giữ nước trong ruộng. Lúa nước có hạt gạo khá tròn và to nhưng nấu nở, bở và khô, còn lúa nương hạt dài, dẻo và thơm, nên về truyền thống người Dao vẫn ưu tiên làm lúa nương hơn lúa ruộng. Hơn nữa, do tập quán du cư, liên tục di chuyển trốn chạy khỏi nguy hiểm khi có bạo loạn, đặc biệt thời kỳ thực dân Pháp nên họ hạn chế làm ruộng.

#### 3.1. Cải tạo nương thành ruộng

Tập quán làm ruộng bắt đầu từ những diện tích nương đã khai phá nằm gần sông, khe suối. Sau 2 - 3 năm trồng lúa cạn rồi chuyển sang trồng ngô, sắn thì nương dần dần bạc màu, những gốc cây to sót lại khi phát đốt cũng đã mục hết. Sau đó, người ta đắp nương đất dẫn nước khe, suối chảy vào mảnh nương, rồi dùng trâu cày hoặc đào bằng tay tạo các đường rãnh nằm song song để nước được thấm đều hơn vào đất. Nhằm ngăn nước chảy ra ngoài cũng như mưa, gió cuốn trôi chất màu mỡ, người dân đắp bờ đất bao quanh, gia cố bằng đá sỏi và bón thêm phân chuồng. Lâu dần những mảnh nương du canh này thành ruộng bậc thang để gieo lúa cạn hay hoa màu, cũng có thể thành ruộng khi dẫn nước vào. Theo nhiều cụ già, khu ruộng bậc thang đầu tiên và lâu đời - nơi có miếu của người Dao bản Nà Còi, xã Bành Trạch nằm giáp ranh xã An Thắng huyện Pắc Nặm, có lịch sử trên 100 năm, gắn liền với quá trình chuyển cư và thành lập làng của người Dao Tiên nơi đây, cũng là nơi diễn ra lễ cầu mùa vào tháng Giêng và cúng miếu vào tháng Sáu âm lịch hàng năm.

So với nương, khai khẩn ruộng bậc thang vất vả hơn nhiều, cần 2 - 3 năm để hoàn thành một đám ruộng với diện tích hạn chế. Nơi khai phá ruộng phải gần nguồn nước hoặc cách đó không quá xa, nhưng thấp hơn để dẫn được nước vào ruộng, tức chỉ những đám nương có thể dẫn nước vào mới cải tạo làm ruộng. Do đó, ruộng thường được khai khẩn ở chân núi, rìa thoải hướng ra thung lũng hoặc trong thung lũng, kể cả bên dưới vườn gia đình

và ao để tận dụng nước thải. Khu vực đồi thấp cũng được tận dụng, nhưng người Dao ít khi dùng vì khó dẫn nước, phụ thuộc hoàn toàn vào mưa. Ánh nắng cũng quan trọng quyết định một mảnh nương có thể cải tạo thành ruộng, tức thường chọn nơi thoáng để đón nắng, gió,... Do ruộng được cải tạo trên đất nương vốn đã được cúng trước, nên không cần làm lễ cúng nữa, thay vào đó là khẩn tổ tiên phù hộ khi gieo hạt để lúa lên tốt.

Chọn đất xong thì đào nương có chiều rộng 30 - 50cm, sâu 20 - 30cm tùy địa hình cao thấp, bằng đất nổi thông từ khe, suối tới ruộng. Rồi xẻ đất đắp bờ dưới và san bằng mặt ruộng giữ nước. Theo đó, tùy độ dốc mà ước tính khổ rộng thửa ruộng định khai khẩn để đắp bờ dưới trước, ở đó đào một rãnh thẳng từ bờ trên của thửa ruộng dưới sẽ khai khẩn tiếp. Rãnh này cần đào to và sâu, khi đào thì lấy đất đắp cao bờ dưới của thửa ruộng phía trên. Nhờ vậy, bờ trên của thửa ruộng phía dưới được đào sâu xuống, còn bờ dưới của thửa ruộng phía trên thì đắp cao lên. Sau đó chỉ cần san bằng thì được thửa ruộng trên, còn các thửa ruộng phía dưới cũng sẽ đắp bờ dưới trước theo dạng đào rãnh như trên, rồi san bằng mặt ruộng,... Có thể thấy, các thửa ruộng được khai khẩn từ nương trở xuống, vừa đỡ tốn sức vừa giúp mặt ruộng được đều. Thửa ruộng càng xa nương càng phải tính toán về nước tưới, nếu thiếu nước thì dừng không khai phá tiếp. Phần đất còn lại để trồng một số loại cây hướng sáng như tre, nứa, vầu lấy măng hoặc dựng lán để trồng ruộng, thậm chí làm nương.

Tùy theo địa hình dốc mà nương dẫn nước nằm ở đâu, thuận lợi nhất là chính giữa đỉnh đám ruộng. Song, phần lớn đất ở bản Nà Còi do sườn núi tự nhiên nghiêng trái nên nương nằm bên phải, bên phải được gia cố bằng đá sỏi tránh vật nuôi phá hoại. Khi đắp bờ ruộng, người ta để lõm một khoảng cách bờ 20 - 30cm ở mỗi thửa ruộng, mở ra thành các khe dẫn nước đổ vào từng thửa ruộng phía dưới. Sau này, khi vườn gia đình được hình thành, với những mảnh ruộng nằm phía dưới nhà ở, người ta làm thêm một nương nữa với độ rộng tương tự dẫn từ ao nuôi cá tới thửa ruộng đầu tiên, có cửa làm bằng những đoạn tre song song cách nhau 1 - 2cm để tránh cá ra ngoài. Việc làm ruộng cứ như thế, từ năm này sang năm khác, vụ này sang vụ khác tạo thành một đám ruộng to hay nhỏ tùy theo diện tích khu đất và dung lượng nước cho phép tưới tiêu. Những thửa mới khai phá nếu gieo cấy ngay sẽ cho năng suất thấp hơn so với làm nương, nên người dân thường cho nước xuống kết hợp bón phân gia súc cải tạo rồi trồng lúa, sau vài năm sẽ cho năng suất ổn định.

### **3.2. Canh tác trên ruộng bậc thang**

Canh tác lúa ruộng bậc thang đòi hỏi nhiều công hơn so với làm nương rẫy, vì phải làm đúng kỹ thuật từ các khâu gieo mạ, cày, bừa... đến chú ý lượng nước. Trước đây, do làm một vụ nên mạ gieo vào tháng 3 - 4 âm lịch tại những mảnh ruộng cũ. Sau một tháng khi mạ cao hơn một gang tay thì nhổ lên cấy vào ruộng từ cuối tháng 4 và 5 âm lịch. Mật độ cấy phụ thuộc vào giống lúa, với lúa Mộ Tuyên truyền thống thì gốc dúi xuống sâu tầm 3 - 4cm, độ rộng từng luống khoảng 25 - 30cm. Cây lúa phát triển chậm, mất đến 4 - 5 tháng mới cho thu

hoạch, tức trong tháng 9 hoặc tháng 10 âm lịch. Việc thu hoạch có thể kéo dài đến tháng 11 nếu nhà nào nhiều ruộng. Để tiết kiệm đất, người ta thường trồng một vụ ngô sớm, một vụ lúa muộn. Cũng như nương, lúa trên ruộng phải làm cỏ ba lần nhưng lần thứ ba vào lúc ra đòng do quan niệm cây lúa nước yếu hơn lúa nương, cần chăm sóc nhiều hơn. Sau mỗi vụ, người ta cày ải bật gốc các loại cỏ và cây trồng còn sót lại, rồi bỏ hoang đến khi tháo nước và bón phân vào ruộng cho vụ tiếp theo. Cũng như cải tạo nương thành ruộng, việc làm đất sau mỗi vụ gieo trồng phụ thuộc vào loại cây, lượng nước khe suối, lượng mưa nên thời gian tương đối linh hoạt, thường khi ruộng đầy nước và bừa được vài hôm thì gieo mạ.

Bên cạnh vốn tri thức địa phương đa dạng, người Dao ở xã Bành Trạch cũng lưu giữ nhiều tập tục, nghi lễ liên quan đến nông nghiệp. Lễ cúng diễn ra vào ngày gieo lúa nương hoặc gieo mạ đầu tiên, chủ gia đình trước khi đi gieo cần thắp hương lên bàn thờ, khấn tổ tiên phù hộ cho cây lúa nảy mầm tốt. Vào các dịp tết như mừng 5/5, 15/7 âm lịch..., trong các lễ cúng ma nhà cũng phải khấn nhờ tổ tiên, thổ công, ma nương, ma ruộng giúp bảo vệ nương, ruộng cho mưa thuận gió hòa, ít sâu bệnh phá hại. Tập quán ăn cơm mới và cúng hồn lúa cũng được duy trì. Lần đầu nấu cơm mới trong vụ thu hoạch, người Dao tiến hành cúng cơm mới. Bát cơm được đưa lên bàn thờ, chủ gia đình đọc bài khấn cảm ơn tổ tiên và thánh thần vì sự giúp đỡ và hy vọng mùa lúa năm sau lại được bội thu. Sau khi thu hoạch xong, người ta tổ chức cúng hồn lúa rất trang nghiêm.

Trước đây cũng như hiện nay, do nhu cầu đặc biệt về nước tưới tiêu, phân bố ruộng bậc thang lại không đồng đều giữa các hộ gia đình, có khi mảnh ruộng này nằm gần đầu nguồn hơn mảnh khác, nên xung đột, mâu thuẫn có thể diễn ra. Tranh chấp nguồn nước sẽ trở nên đặc biệt gay gắt nếu hộ có mảnh ruộng nằm trên lấy hết nước rồi bịt mương, không để dành cho hộ ở dưới. Vì vậy, quy định về nguồn nước trong hệ thống luật tục, hương ước của người Dao vô cùng chặt chẽ. Nhà nào được tưới tiêu trước phải có trách nhiệm trông coi rừng đầu nguồn và mạch nước chung của bản, sau khi lấy đủ cho ruộng mình thì giúp nhà ở dưới dẫn nước vào ruộng. Nếu nguồn nước thuộc đất của bản khác thì phải xin phép trước khi cải tạo nương thành ruộng. Hộ nào không làm theo sẽ bị kiểm điểm, chê cười trong dịp cúng miếu bản hàng năm và sẽ bị các thế lực siêu nhiên, tổ tiên trừng phạt. Rõ ràng, vai trò của tổ chức xã hội, thiết chế bản truyền thống là vô cùng to lớn trong việc ổn định, duy trì sinh kế bền vững và hài hòa hơn, cả với môi trường tự nhiên lẫn quan hệ tộc người.

#### 4. Vườn

Người Dao xã Bành Trạch vốn có tập quán đưa một số cây rừng như chuối, thuốc nam, măng tre, rau dại... về gần nhà trồng, kết hợp thả rông gia súc. Theo quan niệm thì đó vẫn là rừng, đồng bào nghĩ là họ vốn không có vườn. Song, theo Robert Hart (1984), thực chất đây là một dạng vườn rừng sơ khai, có bàn tay cải tạo của con người. Sau năm 1960, chủ trương định canh định cư khiến tập quán làm nương du canh khó thực hiện. Do phải canh tác lâu năm, đất nương dần bạc màu không đủ màu mỡ để xen canh nhiều loại cây như trước hoặc

năng suất tổng thể sẽ giảm mạnh. Người dân phải khắc phục bằng cách đem rau, hoa màu, cây ăn quả về gần nhà, kết hợp với vườn rừng trước kia. Cây rừng tán và vượt tán hoàn toàn được thay thế bằng cây ăn quả, diện tích vườn mở rộng lên khoảng 40 - 60m<sup>2</sup>, riêng vườn của hộ khá có thể lên tới hàng trăm mét vuông tùy điều kiện đất đai. Ở đây, tác giả vẫn coi vườn rừng là hình thức trồng trọt truyền thống vì kỹ thuật xen canh theo tán và độ dốc được giữ nguyên, chỉ thay thế bổ sung thêm các loại hoa màu ngắn ngày trên nương.

Do tập quán làm nhà ở nơi cao ráo, tựa lưng vào đồi núi, nước thải sinh hoạt và rác hữu cơ chảy theo dốc địa hình xuống thấp. Nhờ đó, họ làm vườn dọc theo sườn dốc phía dưới nhà, chỗ trũng thấp nhất là ao nuôi cá, tạo ra hệ thống xử lý rác, nước thải tương đối triệt để. Trong đó, chuối là loại cây trồng chính, có mặt ở mọi gia đình, vừa dễ trồng vừa chiếm diện tích lớn nhất. Ngoài cho quả, thân chuối dùng làm thức ăn cho lợn, lá để gói thức ăn, cung cấp một phần rau xanh từ hoa và củ (thân ngầm). Đến nay, người Dao ở đây còn giữ được 4 giống chuối địa phương gồm chuối tiêu, chuối tây (xiêm), chuối voi (*khuổi vại*), chuối tiêu nhỏ (*khuổi xiểu*). Các loại cây gia vị, rau dài ngày như ớt, *mắc mật*, me chua, chanh, bồ khai, ngải cứu... được trồng quanh và dưới tán chuối. Xen lẫn với chuối là cây ăn quả như đu đủ, đào, lê, mận, cây thuốc như thầu dầu, chó đẻ, dứa gai, bình vôi, rau bao (bò công anh)... phân bố ngẫu nhiên theo hình thức nương hỗn hợp. Ở một số nơi, vườn và nương còn trở thành nơi trồng cây có giá trị hàng hóa, đem lại thu nhập đáng kể (Bùi Minh Hòa, 2015). Riêng phần đất cạnh nhà ở phía mặt trời mọc, người ta lấy những thanh gỗ đan chữ thập rào thành từng ô 5 -10m<sup>2</sup> trồng rau cải, xà lách, súp lơ, dưa chuột..., và cây gia vị ngắn ngày như hành, tỏi, kiệu, gừng. Theo đồng bào, cách làm này vừa giúp rau củ đón nắng, kích thích phát triển, tránh vật nuôi vào phá hoại, vừa tận dụng được ánh sáng, tránh bị các loại cây lâu năm tranh mất nước và dinh dưỡng. Một số loại cây cần ánh sáng như mía, đinh lăng, thầu dầu, các loại tre, giang, nứa... lấy măng cũng được trồng ở gần nhà nhưng ở phía mặt trời lặn do quan niệm dễ sống, dễ trồng hơn rau.

So với nương và ruộng, người Dao đánh giá vườn không cần nhiều công chăm sóc, lại có tính ổn định năng suất cao hơn, bởi vì: (i) các giống cây được lựa chọn có nguồn gốc mọc hoang trong rừng; (ii) cách phân bố xen canh dưới tán, tán và hai bên vườn tạo ra môi trường với đặc điểm tương tự rừng nguyên sinh, cũng như tôn trọng điều kiện sống thích hợp cho từng loại cây; (iii) nước thải, rác thải sinh hoạt cộng với việc thả rông vật nuôi như gia cầm, lợn, chó... trong vườn đem lại nguồn phân bón hữu cơ đáng kể, góp phần duy trì chất lượng đất. Do đó, ngoại trừ phần diện tích trồng rau, hoa màu ngắn ngày thì vườn có thể coi là “tập hợp các cây mọc hoang đem lại lợi ích cho sinh hoạt” (theo ông B.V.P, 61 tuổi, người Dao Tiền).

Ở những diện tích trồng rau, người Dao thường luân canh các loại cây theo mùa. Cây trồng phổ biến vào mùa đông là các loại cải và gia vị: cải mè, cải làn, hành, họ,... Vào mùa hè, các loại rau sống, rau nhiệt đới như bầu, bí, mướp, dưa, cà... là chính. Ngoài thay đổi

giống hoa màu liên tục, những mảnh đất nhỏ này còn cần chăm bón thường xuyên do đất không được nghỉ. Phân chuồng được sử dụng: phân trâu, bò và gà phơi khô sau khi quét chuồng, đập nhỏ rồi rắc lên bề mặt đất; tro bếp từ việc đốt củi cũng là nguồn dưỡng chất tốt, như tro trên nương rẫy. Nếu đất quá bạc màu, họ đào lên đổ xuống dưới vườn rồi đi lấy đất màu mỡ ven ao, suối lấp lại. Đáng lưu ý là người Dao có xu hướng tận dụng tất cả các sản phẩm dư thừa trong quá trình sinh hoạt như rác, tro, nước thải... và xử lý theo vòng tuần hoàn sinh thái.

### **Kết luận**

Những phân tích, mô tả trong bài viết cho thấy, hoạt động trồng trọt truyền thống của người Dao ở xã Bàn Trách, huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn phản ánh sự ứng xử khôn khéo đối với môi trường tự nhiên. Điều đó thể hiện qua kỹ thuật xen canh trên nương, làm nương quay vòng, thâm canh ruộng bậc thang và canh tác dựa theo độ dốc trong vườn. Các hình thức canh tác đều cho thấy sự phù hợp với môi trường rẻo giữa, độ che phủ rừng cao, khí hậu nhiệt đới miền núi, nhiều sông suối để giữ thế cân bằng giữa con người và thiên nhiên. Điều này tạo nên một hệ thống sinh kế được duy trì ổn định qua thời gian lâu dài của mỗi cộng đồng và là nguồn tri thức tộc người cần được xem xét bảo tồn, phát huy trong bối cảnh mới.

### **Tài liệu tham khảo**

1. Bùi Minh Hào (2015), “Từ truyền thống đến thị trường: Sự chuyển đổi kinh tế của người Dao Đỏ ở xã Tả Phìn, huyện Sa Pa, tỉnh Lào Cai”, *Tạp chí Thông tin Khoa học xã hội*, Số 8, tr. 31-40.
2. Hart, Robert (1984), *Ecosociety: A historical study of ecological man*, Natraj Publishers, Dehra Dun, India.
3. Lý Hành Sơn (1995), “Nương rẫy truyền thống của người Dao ở Cao Bằng,” *Tạp chí Dân tộc học*, Số 3, tr. 64-73.
4. Trần Hữu Sơn, Bàn Khánh Thanh (2011), “Văn hóa ứng xử của người Dao Đỏ với môi trường tự nhiên qua khai khẩn ruộng bậc thang ở Sa Pa”, *Tạp chí Dân tộc học*, Số 4, tr. 3-12.